Vocabulary

người: man, person

nước: country

nào?: what? which?

cô là người

nước nào?: where are you from?

người Việt: Vietnamese person

 $M\tilde{y}$: America; the U.S.A.

người Mỹ: American

hoc: to study, to learn

 ∂ : in, at

trường: school

đại học: college, university

trường đại học: college, university

oi: vocative particle, used to

attract someone's attention

toà: classifier, used for tall buildings

cao: tall, high

kia: that

thư viện: library

ngôi: classifier, used for houses, buildings

trắng: white

gần: near, close

gần đấy: close to there

cần: to need

muốn: to want

mượn: to borrow

mấy: a few

cuốn: classifier, used for books